

# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (PCG)

## CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Ngày 15/01/2024	<b>6,500 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.4%	-5.8%	-4.4%

**DT thuần**  
2023

**307**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼114 | -27.1%

**LN thuần**  
2023

**2.05**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.04 | 19924%

**LN sau thuế**  
2023

**0.85**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.75 | 779%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**0.7%**

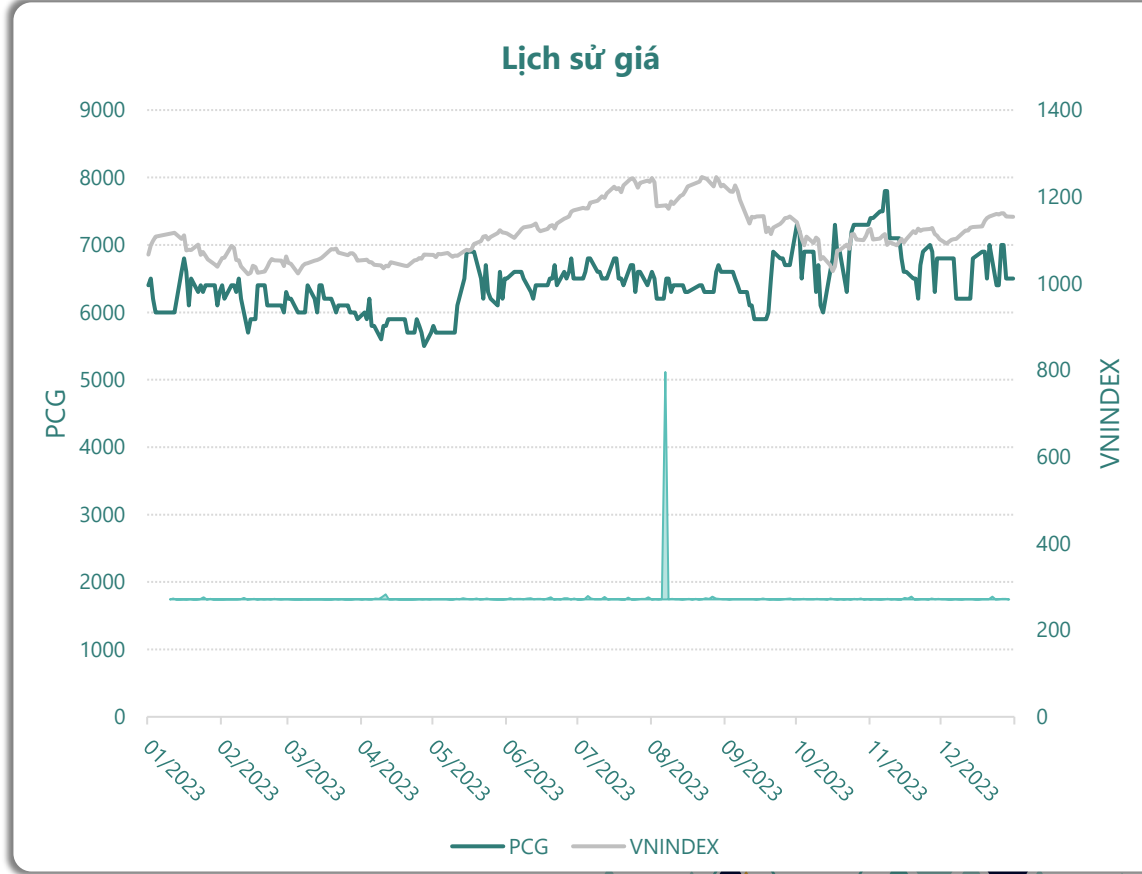
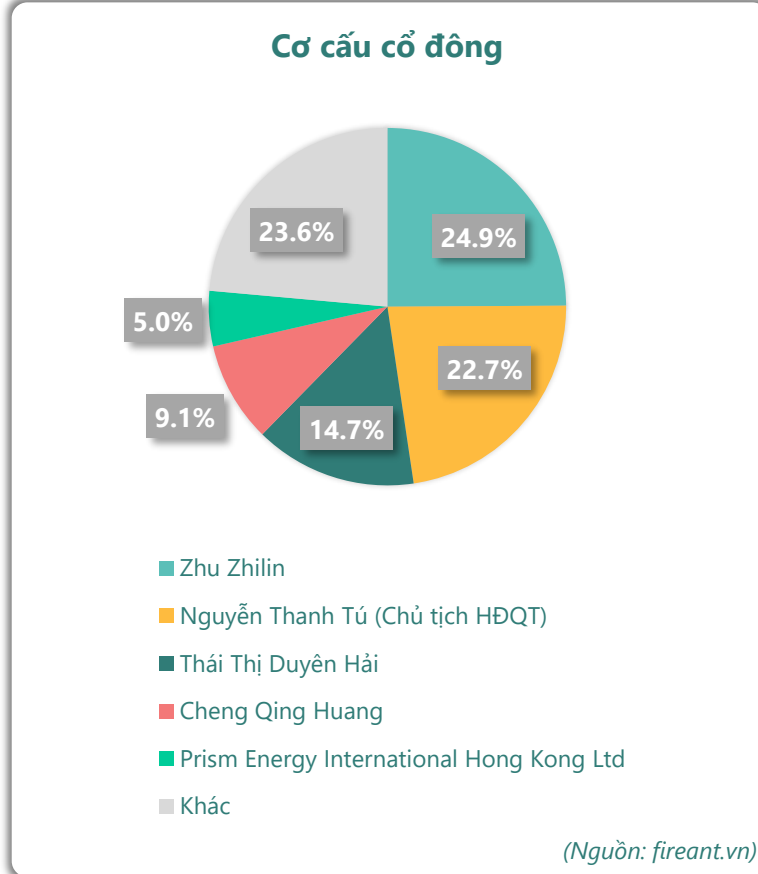
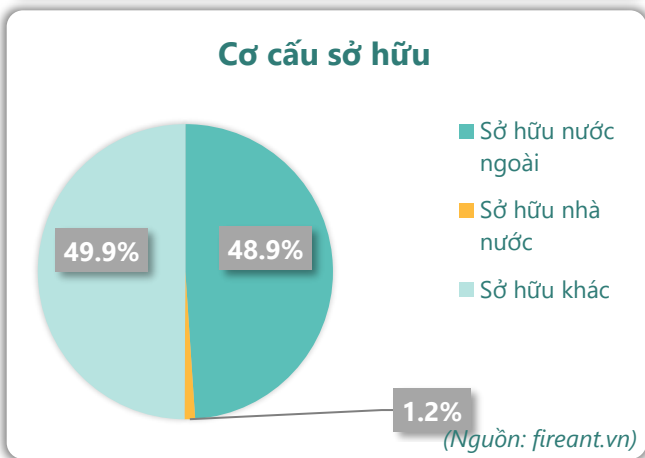
YoY: +/-▲ 0.4%

**ROE**  
2023

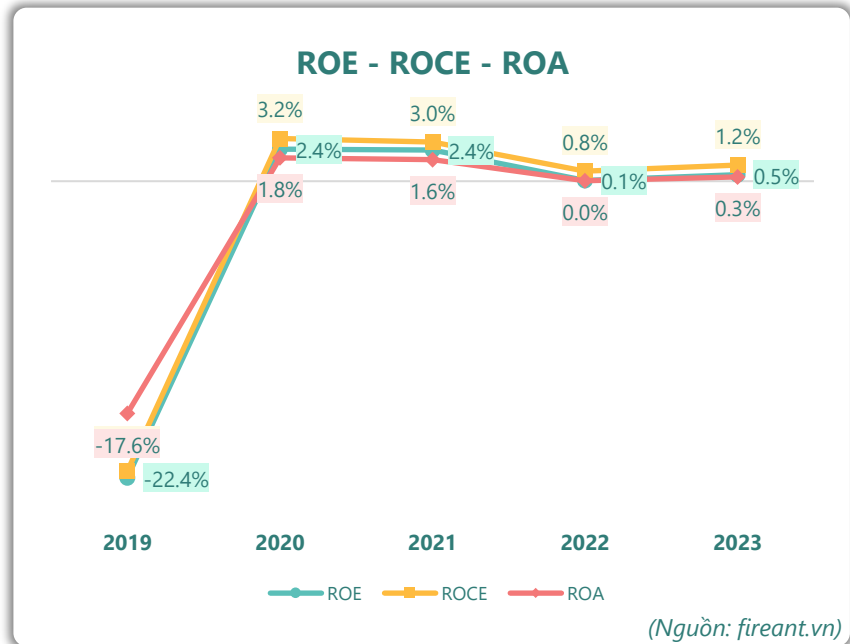
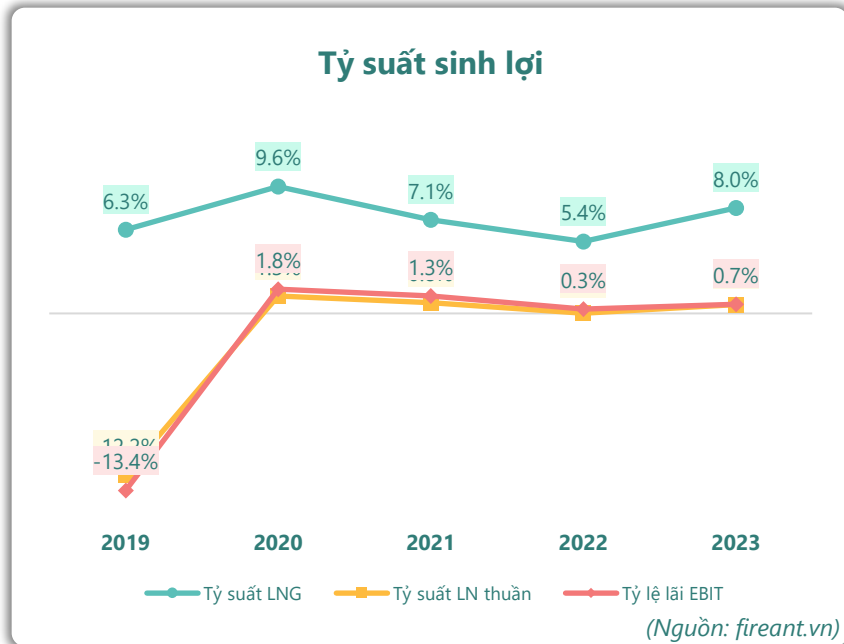
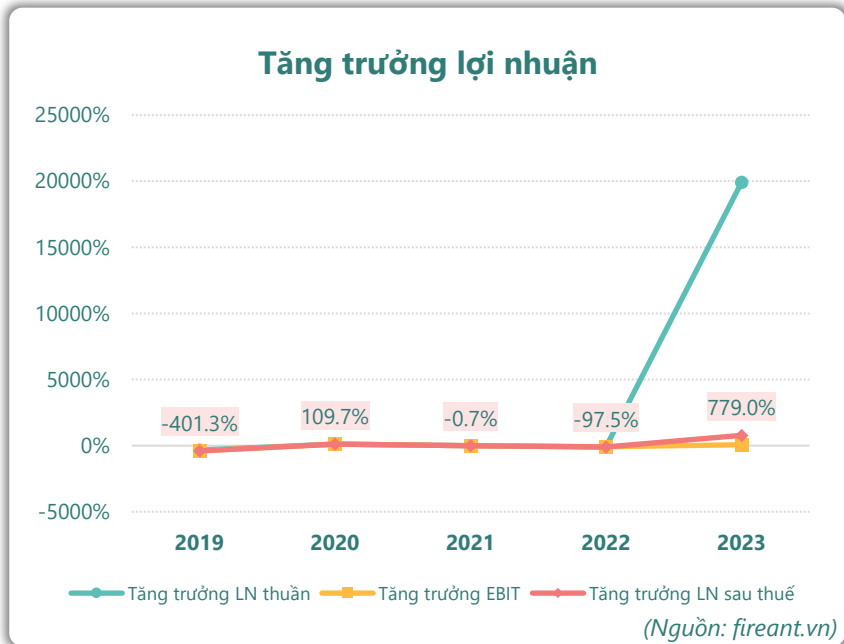
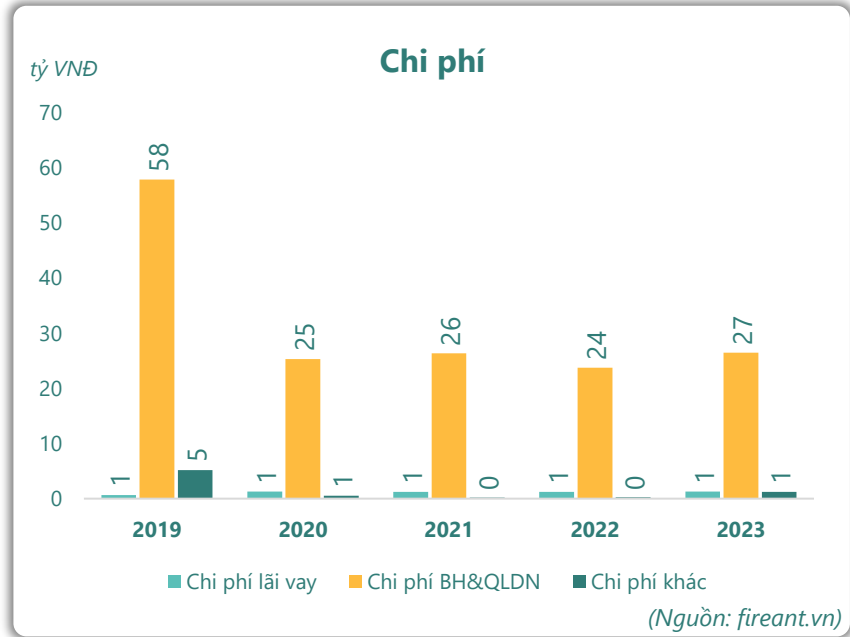
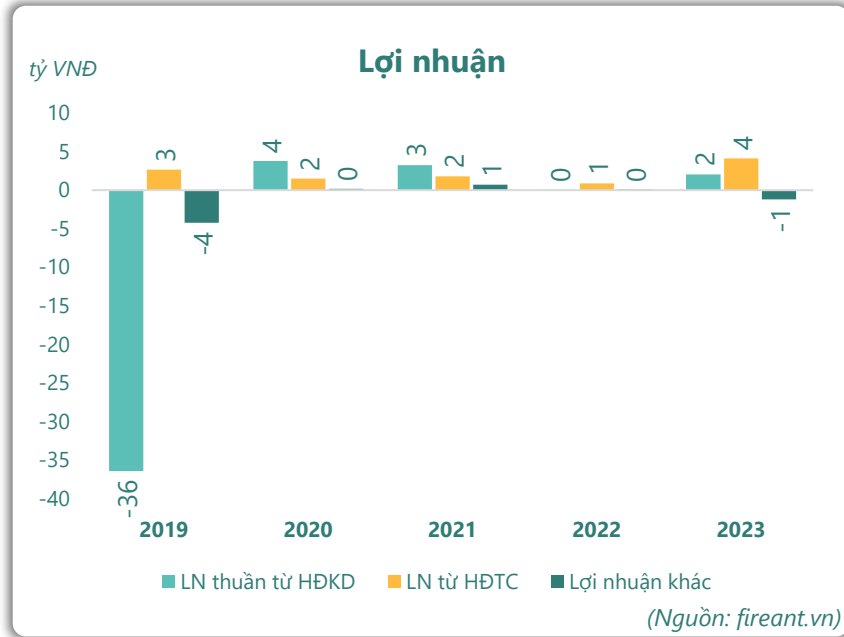
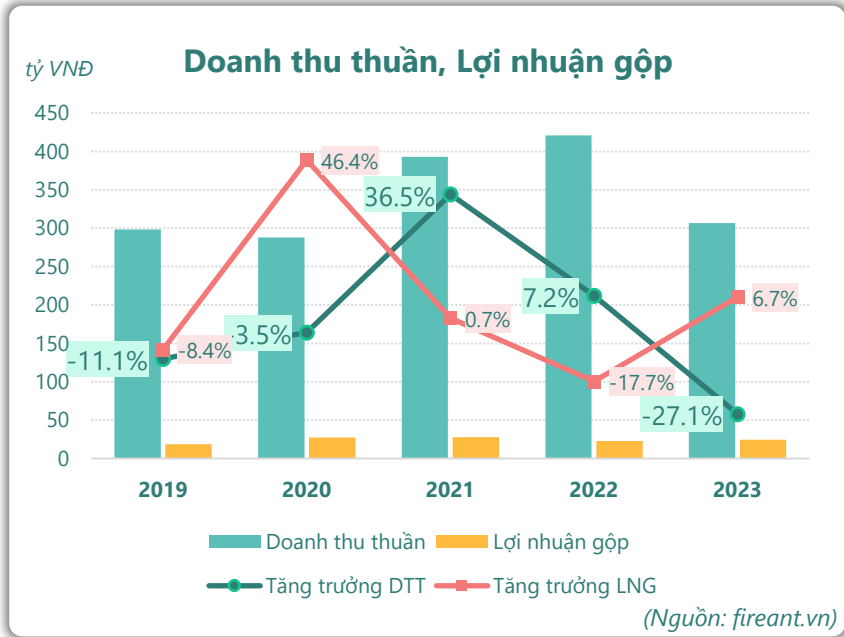
**0.5%**

YoY: +/-▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 7,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123
Số lượng CPLH (CP)	18,870,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,530
Sở hữu nước ngoài	48.9%
Beta	0.03
EPS	45
P/E	150.3



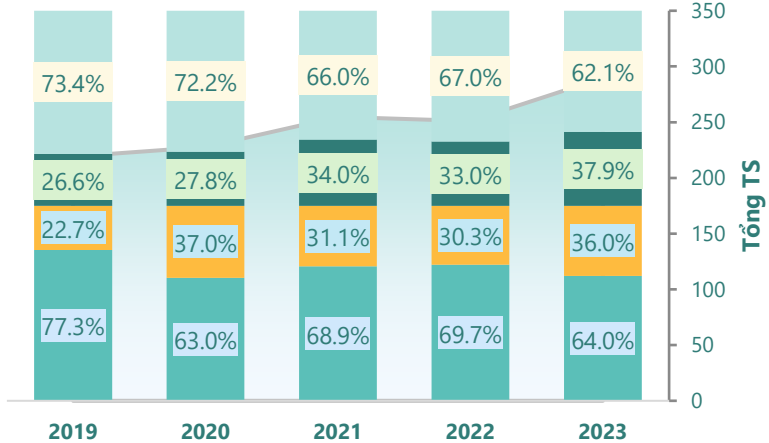
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

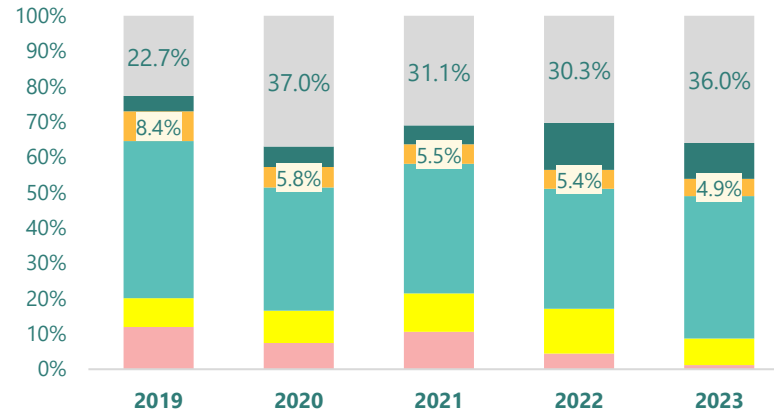
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản 
 ■ TS ngắn hạn 
 ■ TS dài hạn 
 ■ Nợ phải trả 
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

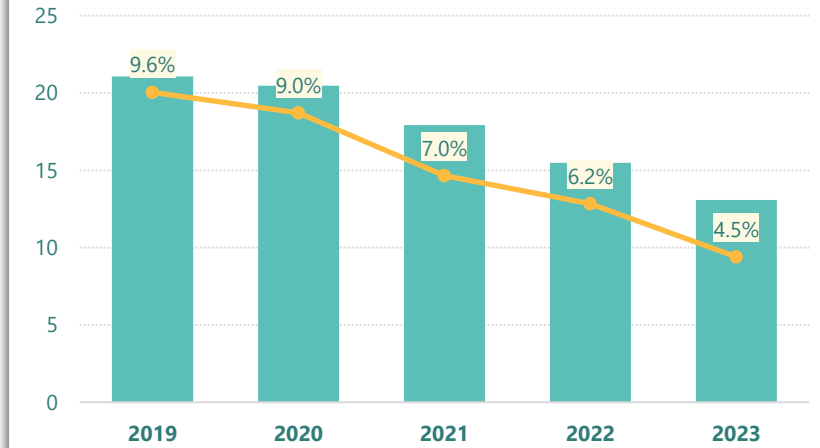


■ Tiền và tương đương tiền 
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn 
 ■ Phải thu ngắn hạn 
 ■ Hàng tồn kho 
 ■ Tài sản ngắn hạn khác 
 ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

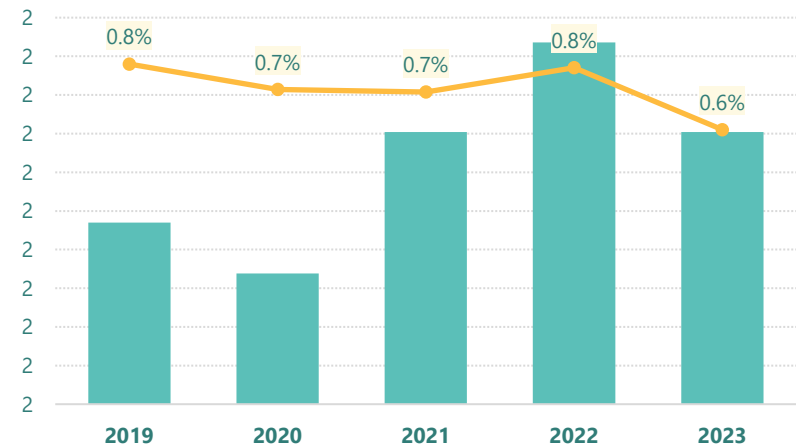


■ Tài sản cố định 
 —●— TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

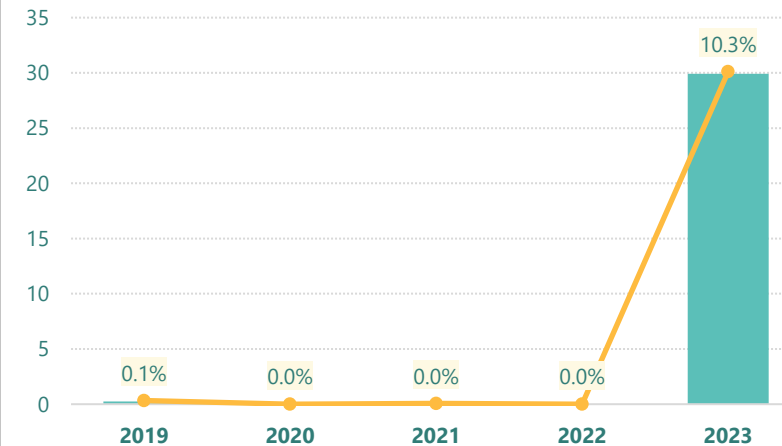


■ Tài sản dở dang 
 —●— TSDĐ dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

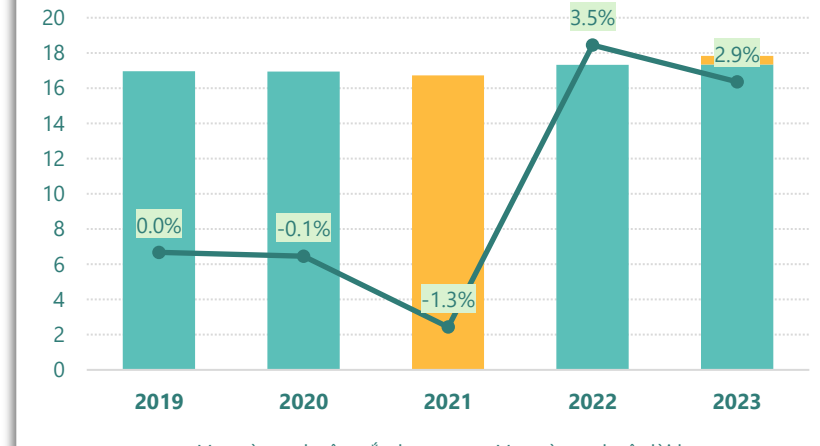


■ Đầu tư tài chính dài hạn 
 —●— ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

tỷ VNĐ

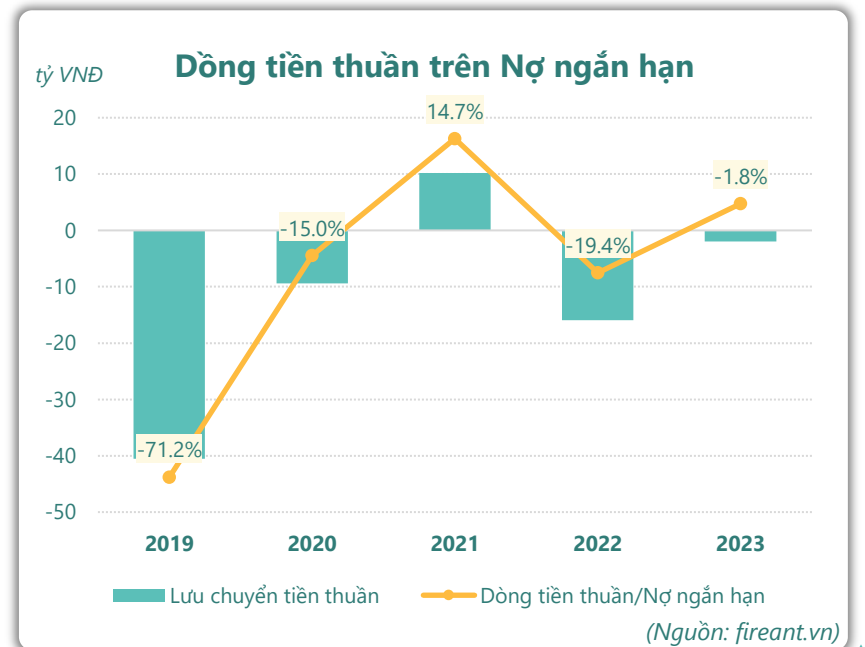
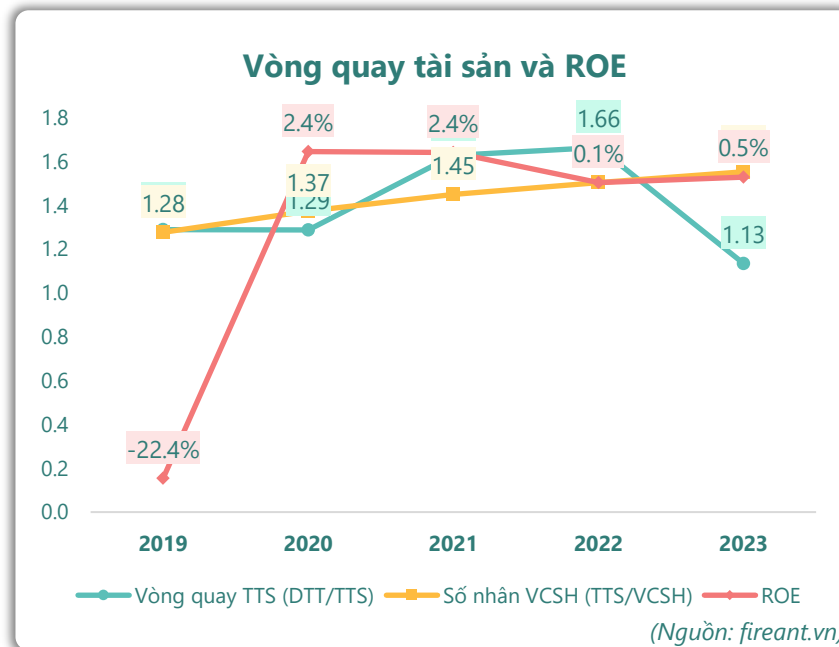
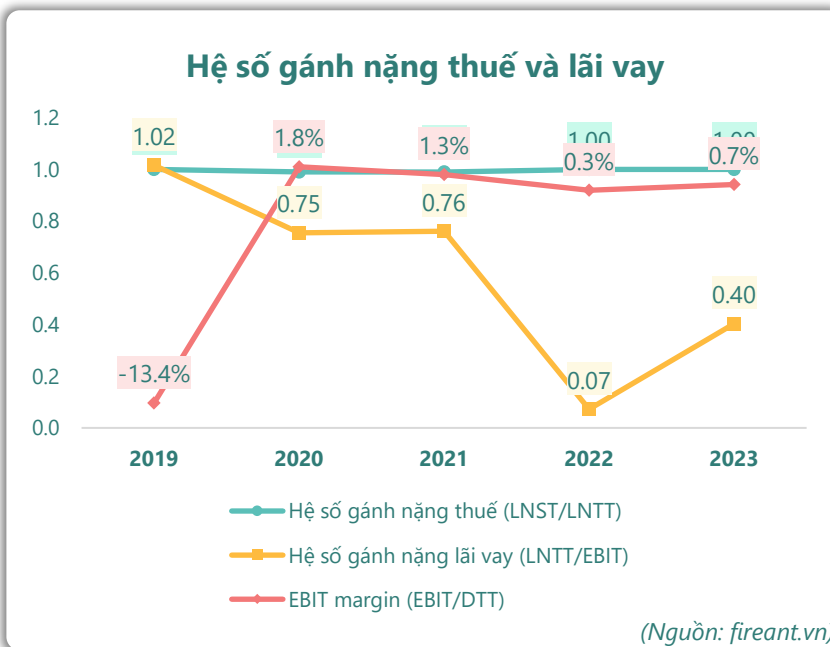
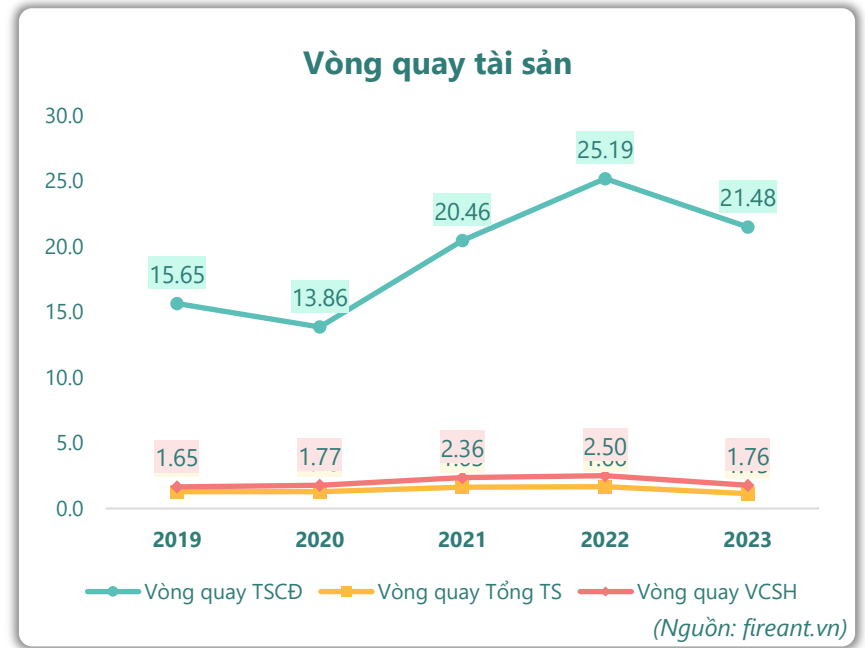
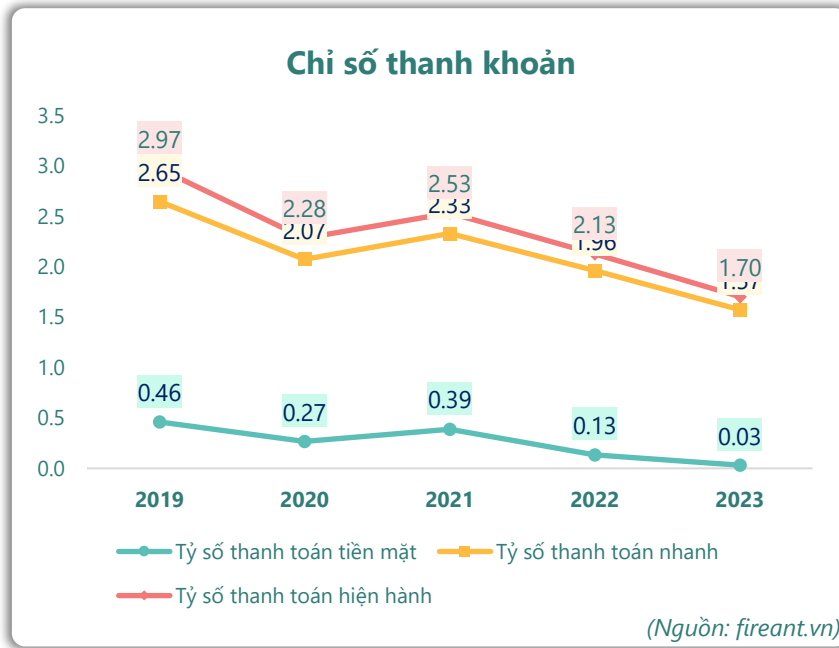
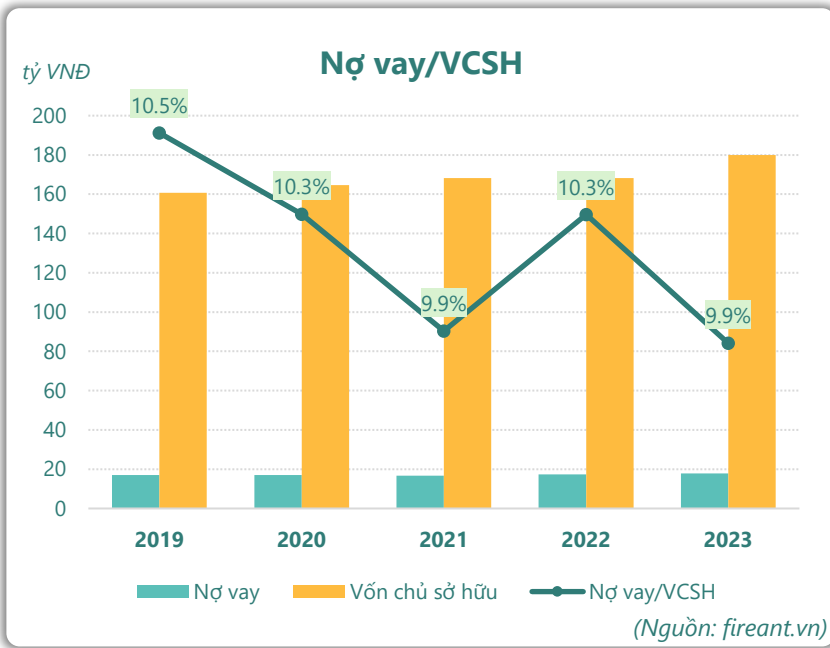


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn 
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn

—●— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>288</b>	<b>393</b>	<b>421</b>	<b>307</b>
Giá vốn hàng bán	260	365	398	282
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>27.6</b>	<b>27.8</b>	<b>22.9</b>	<b>24.4</b>
Doanh thu HĐTC	2.87	3.04	2.87	6.26
Chi phí TC	1.36	1.24	1.99	2.13
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>1.30</b>	<b>1.24</b>	<b>1.25</b>	<b>1.26</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.9	12.1	11.8	11.4
Chi phí QLDN	12.5	14.2	12.0	15.2
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>3.80</b>	<b>3.24</b>	<b>0.01</b>	<b>2.05</b>
Lợi nhuận khác	0.19	0.72	0.09	-1.20
<b>LN trước thuế</b>	<b>3.98</b>	<b>3.95</b>	<b>0.10</b>	<b>0.85</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>3.94</b>	<b>3.92</b>	<b>0.10</b>	<b>0.85</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>3.94</b>	<b>3.92</b>	<b>0.10</b>	<b>0.85</b>

(Nguồn: fireant.vn)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.82	15.7	-9.47	3.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.58	-5.47	-6.44	-4.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-0.03	-0.01	-0.09
Tiền đầu kỳ	26.2	16.8	27.0	11.1
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>-9.40</b>	<b>10.2</b>	<b>-15.9</b>	<b>-1.98</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	16.8	27.0	11.1	3.43

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>228</b>	<b>255</b>	<b>251</b>	<b>290</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>144</b>	<b>176</b>	<b>175</b>	<b>185</b>
Tiền và tương đương tiền	16.8	27.0	11.1	3.43
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.8	27.7	31.8	21.7
Phải thu ngắn hạn	79.5	93.3	85.2	117
Hàng tồn kho	13.2	14.1	13.6	14.1
Tài sản ngắn hạn khác	13.3	13.6	33.4	29.2
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>84.3</b>	<b>79.1</b>	<b>76.0</b>	<b>104</b>
Phải thu dài hạn	2.01	0.07	0.07	4.73
Tài sản cố định	20.5	17.9	15.5	13.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.67	1.85	1.97	1.85
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.06	0	29.9
Tài sản dài hạn khác	60.1	59.2	58.5	54.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>63.3</b>	<b>86.6</b>	<b>82.9</b>	<b>110</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>62.8</b>	<b>69.4</b>	<b>82.3</b>	<b>109</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.9	0	17.3	17.3
Phải trả người bán ngắn hạn	37.2	61.6	55.2	77.4
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0.42</b>	<b>17.2</b>	<b>0.62</b>	<b>0.96</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	0	16.7	0	0.49
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>165</b>	<b>168</b>	<b>168</b>	<b>180</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>165</b>	<b>168</b>	<b>168</b>	<b>180</b>
Vốn điều lệ	189	189	189	199
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Nguồn: fireant.vn)